

ỦY BAN NHÂN DÂN  
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH  
**SỞ NỘI VỤ**

Số: 2677 /SNV-VLATLĐ  
V/v thông tin quy định việc tổ chức  
làm thêm từ trên 200 giờ đến 300 giờ  
trong một năm

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 18 tháng 8 năm 2025

Kính gửi:

- Sở, Ban, Ngành Thành phố;
- Ủy ban nhân dân phường, xã và đặc khu Côn Đảo;
- Ban Quản lý các Khu chế xuất - công nghiệp;
- Ban Quản lý khu công nghệ cao;
- Các Công ty hoạt động trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh;
- Các cơ quan, tổ chức, cá nhân khác có liên quan đến quan hệ lao động.

Căn cứ Bộ luật Lao động năm 2019;

Căn cứ Luật An toàn, vệ sinh lao động năm 2015;

Căn cứ Nghị quyết số 190/2025/QH15 ngày 19 tháng 02 năm 2025 của Quốc hội quy định về xử lý một số vấn đề liên quan đến sắp xếp tổ chức bộ máy Nhà nước;

Căn cứ Nghị định số 145/2020/NĐ-CP ngày 14 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Bộ luật Lao động về điều kiện lao động và quan hệ lao động (sau đây gọi là Nghị định số 145/2020/NĐ-CP ngày 14/12/2020);

Căn cứ Quyết định số 03/2025/QĐ-UBND ngày 01 tháng 7 năm 2025 của Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh về ban hành Quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Sở Nội vụ Thành phố Hồ Chí Minh;

Sở Nội vụ Thành phố Hồ Chí Minh thông tin các quy định về việc tổ chức làm thêm từ trên 200 giờ đến 300 giờ trong một năm như sau:

**1. Đối tượng áp dụng**

- Người lao động, người học nghề, tập nghề theo khoản 1 Điều 2 của Bộ luật Lao động.
- Người sử dụng lao động theo khoản 2 Điều 2 của Bộ luật Lao động.
- Các cơ quan, tổ chức, cá nhân khác có liên quan trực tiếp đến quan hệ lao động.

**2. Các trường hợp được tổ chức làm thêm từ trên 200 giờ đến 300 giờ trong một năm**

Các trường hợp được tổ chức làm thêm từ trên 200 giờ đến 300 giờ trong một năm được quy định tại các điểm a, điểm b, điểm c, điểm d khoản 3 Điều

107 Bộ luật Lao động năm 2019 và Điều 61 Nghị định số 145/2020/NĐ-CP ngày 14/12/2020. Cụ thể các trường sau:

2.1. Sản xuất, gia công xuất khẩu sản phẩm hàng dệt, may, da, giày, , điện, điện tử, chế biến nông, lâm, diêm nghiệp, thủy sản.

2.2. Sản xuất, cung cấp điện, viễn thông, lọc dầu; cấp, thoát nước.

2.3. Trường hợp giải quyết công việc đòi hỏi lao động có trình độ chuyên môn, kỹ thuật cao mà thị trường lao động không cung ứng đầy đủ, kịp thời.

2.4. Trường hợp phải giải quyết công việc cấp bách, không thể trì hoãn do tính chất thời vụ, thời điểm của nguyên liệu, sản phẩm hoặc để giải quyết công việc phát sinh do yếu tố khách quan không dự liệu trước, do hậu quả thời tiết, thiên tai, hỏa hoạn, địch họa, thiếu điện, thiếu nguyên liệu, sự cố kỹ thuật của dây chuyền sản xuất.

2.5. Các trường hợp phải giải quyết công việc cấp bách, không thể trì hoãn phát sinh từ các yếu tố khách quan liên quan trực tiếp đến hoạt động công vụ trong các cơ quan, đơn vị nhà nước, trừ các trường hợp quy định tại Điều 108

2.6. Cung ứng dịch vụ công; dịch vụ khám bệnh, chữa bệnh; dịch vụ giáo dục, giáo dục nghề nghiệp.

2.7. Công việc trực tiếp sản xuất, kinh doanh tại các doanh nghiệp thực hiện thời giờ làm việc bình thường không quá 44 giờ trong một tuần.

### **3. Các quy định về việc tổ chức làm thêm từ trên 200 giờ đến 300 giờ trong một năm**

3.1. Được sự đồng ý của người lao động khi làm thêm giờ (theo quy định tại Điều 59 Nghị định số 145/2020/NĐ-CP ngày 14/12/2020). Cụ thể:

“1. Trừ các trường hợp quy định tại Điều 108 của Bộ luật Lao động, các trường hợp khác khi tổ chức làm thêm giờ, người sử dụng lao động phải được sự đồng ý của người lao động tham gia làm thêm về các nội dung sau đây:

a) Thời gian làm thêm;

b) Địa điểm làm thêm;

c) Công việc làm thêm.

2. Trường hợp sự đồng ý của người lao động được ký thành văn bản riêng thì tham khảo Mẫu số 01/PLIV Phụ lục IV ban hành kèm theo Nghị định này”.

3.2. Giới hạn số giờ làm thêm (theo quy định tại Điều 61 Nghị định số 145/2020/NĐ-CP ngày 14/12/2020). Cụ thể:

1. Tổng số giờ làm thêm không quá 50% số giờ làm việc bình thường trong 01 ngày khi làm thêm vào ngày làm việc bình thường, trừ trường hợp quy định tại khoản 2, khoản 3 Điều này.

2. Trường hợp áp dụng quy định thời giờ làm việc bình thường theo tuần thì tổng số giờ làm việc bình thường và số giờ làm thêm không quá 12 giờ trong 01 ngày.

3. Trường hợp làm việc không trọn thời gian quy định tại Điều 32 của Bộ luật Lao động thì tổng số giờ làm việc bình thường và số giờ làm thêm không quá 12 giờ trong 01 ngày.

4. Tổng số giờ làm thêm không quá 12 giờ trong một ngày, khi làm thêm vào ngày nghỉ lễ, tết và ngày nghỉ hàng tuần.

5. Thời giờ quy định tại các khoản 1 Điều 58 Nghị định này được giảm trừ khi tính tổng số giờ làm thêm trong tháng, trong năm để xác định việc tuân thủ quy định tại điểm b, điểm c khoản 2 Điều 107 của Bộ luật Lao động.

**4. Thông báo về việc tổ chức làm thêm từ trên 200 giờ đến 300 giờ trong một năm** (theo quy định tại Điều 62 Nghị định số 145/2020/NĐ-CP ngày 14/12/2020).

4.1. Khi tổ chức làm thêm từ trên 200 giờ đến 300 giờ trong một năm, người sử dụng lao động phải thông báo cho Sở Lao động - Thương binh và Xã hội tại các nơi sau:

- Nơi người sử dụng lao động tổ chức làm thêm từ trên 200 giờ đến 300 giờ trong một năm;

- Nơi đặt trụ sở chính, nếu trụ sở chính đóng trên địa bàn tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương khác với nơi người sử dụng lao động tổ chức làm thêm từ trên 200 giờ đến 300 giờ trong một năm.

4.2. Việc thông báo phải được thực hiện chậm nhất sau 15 ngày kể từ ngày thực hiện làm thêm từ trên 200 giờ đến 300 giờ trong một năm.

4.3. Văn bản thông báo theo Mẫu số 02/PLIV Phụ lục IV ban hành kèm theo Nghị định số 145/2020/NĐ-CP ngày 14/12/2020.

Khi tổ chức làm thêm từ trên 200 giờ đến 300 giờ trong một năm, người sử dụng lao động phải thông báo cho Sở Nội vụ theo quy định tại Điều 62 Nghị định số 145/2020/NĐ-CP ngày 14/12/2020. Đề nghị đơn vị thực hiện rà soát đầy đủ các nội dung về tính pháp lý đối với Văn bản thông báo theo Mẫu số 02/PLIV Phụ lục IV và các hồ sơ kèm theo trước khi gửi về Sở Nội vụ. Trong quá trình thực hiện nếu có vướng mắc đề nghị liên hệ đến Sở Nội vụ (*thông qua Phòng Việc làm – An toàn lao động; địa chỉ: số 159 Pasteur, Phường Xuân Hòa, Thành phố Hồ Chí Minh*) để được hướng dẫn thực hiện đảm bảo quy định./.

**Nơi nhận:**

- Như trên;
- GD và các PGD Sở (để báo cáo);
- VP Sở (để đăng website Sở);
- Lưu: VT, P.VLATLĐ (Phương)

**KT. GIÁM ĐỐC  
PHÓ GIÁM ĐỐC**

